

Số 314/BC-UBND

Thăng Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện các tuyến đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình.

Thực hiện chương trình kỳ họp lần thứ 12, HĐND huyện khoá XII. Qua xem xét Báo cáo số 202/BC-KTHT ngày 30/6/2023 của Phòng Kinh tế & Hạ tầng, UBND huyện Thăng Bình báo cáo HĐND huyện cụ thể như sau:

### 1. Kết quả thực hiện Đề án Kiên cố hóa đường ĐH và GTNT năm 2021 – 2022 và 06 tháng đầu năm 2023

a) Kết quả thực hiện Đề án Kiên cố hóa đường ĐH và GTNT năm 2021 – 2022 và 06 tháng đầu năm 2023 của huyện Thăng Bình được tổng hợp tại Biểu mẫu Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo Báo cáo này.

(Có Phụ lục kèm theo)

b) Về khó khăn, vướng mắc và kiến nghị

- Khó khăn, vướng mắc:

+ Đối với Chương trình 1 (Kiên cố hóa nền, mặt đường ĐH) ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ chi phí xây dựng theo tỷ lệ 60%; ngân sách huyện đối ứng 40% chi phí xây dựng; phần còn lại thuộc ngân sách huyện (*ngân sách cấp huyện, ngân sách xã và nhân dân*) thực hiện mở rộng nền đường, nâng cấp cầu, cống, kinh phí tư vấn, quản lý dự án, chi phí khác, chi phí giải phóng mặt bằng, nên kinh phí từ ngân sách cấp huyện, xã và đóng góp của nhân dân rất lớn.

+ Giá vật tư (cát, đá, xi măng, sắt) hiện nay tăng nhiều so với giá được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 04/02/2021.

+ Nhiều công trình giao thông đường ĐH, GTNT khi đầu tư nâng cấp ảnh hưởng đến diện tích đất lúa, cần thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Việc thực hiện thủ tục ĐTM tốn nhiều thời gian, kinh phí nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

+ Đối với công trình Kiên cố hóa đường GTNT huyện Thăng Bình: ngân sách tỉnh hỗ trợ 40% đơn giá tính, ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20%, ngân sách xã đối ứng 10%, phần còn lại nhân dân đóng góp 30% đơn giá tính và phần tăng giá so với đơn giá tính, nên huy động trong nhân dân lớn. Tuy nhiên, việc đấu thầu với giá gói thầu (*bao gồm ngân sách tỉnh, huyện, xã, nhân dân*) thực hiện theo pháp luật về đấu thầu; hiện nay, theo quy định của UBND tỉnh tại Công văn số 102/UBND-KTN ngày



06/01/2023 thì các chủ đầu tư phải tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ 100% gói thầu xây lắp theo hình thức đấu thầu rộng rãi,...;

UBND huyện đã có Báo cáo số 83/BC-UBND ngày 7/3/2023 gửi Sở Giao thông vận tải và có kiến nghị 1 số nội dung cụ thể như sau:

+ Đề nghị xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tăng đơn giá so với đơn giá tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 04/02/2021;

+ Đề nghị xem xét, đề xuất UBND tỉnh cho chủ trương tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các công trình kiên cố hóa đường GTNT theo hình thức **“tham gia thực hiện của cộng đồng”**, để huy động tổ thợ địa phương tham gia xây dựng, tạo việc làm cho nhân dân hưởng lợi trên tuyến.

+ Đề nghị xem xét, đề xuất UBND tỉnh bổ sung vốn các công trình ĐH và GTNT năm 2021 – 2022 còn thiếu vốn theo qui định.

Tuy nhiên, đến nay Sở Giao thông vận tải vẫn chưa có văn bản trả lời về những kiến nghị nêu trên.

## **2. Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023:**

Danh mục công trình Kiên cố hóa đường ĐH và GTNT đợt 3 (năm 2023) huyện Thăng Bình đã trình HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 (có văn bản kèm theo); thực hiện điểm b, khoản 5, phần II, Quyết định 2826/QĐ-UBND ngày 15/10/2020, UBND huyện Thăng Bình đã đề xuất Danh mục công trình Kiên cố hóa đường ĐH và GTNT năm 2023 cho Sở GTVT tỉnh tại Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 11/01/2023; Tuy nhiên, đến nay UBND tỉnh vẫn chưa có văn bản thống nhất danh mục nên chưa thể triển khai được.

*(Có văn bản kèm theo và Phụ lục 03, Phụ lục 04 kèm theo Báo cáo này)*

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Đề án Kiên cố hóa đường ĐH và GTNT năm 2021 – 2022, 6 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch triển khai 06 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn huyện Thăng Bình. UBND huyện báo cáo HĐND huyện biết và chỉ đạo./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND huyện (báo cáo);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Công Sơn**

Phụ lục 01

(Kèm theo Báo cáo số: 314/BC-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Thăng Bình)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021 VÀ NĂM 2022 ĐỀ ÁN KIẾN CỐ HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH)**

ST T	Danh mục công trình	Lý trình	Tiến độ thực hiện dự án	Ghi chú
<b>I</b>	<b>NĂM 2021</b>			
<b>1</b>	<b>Kiên cố hóa mặt đường</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện (ĐH) năm 2021 - Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình tuyến đường ĐH 26.TB;	Km2+328 - Km4+528	Đã hoàn thành nghiệm thu kỹ thuật	
	Kiên cố hóa đường huyện(ĐH) năm 2021: Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình tuyến đường ĐH 19.TB;	Km3+069-Km4+994,73	Đang thi công khoảng 60 % khối lượng thực hiện	
	Kiên cố hóa đường huyện(ĐH) năm 2021: Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình tuyến đường ĐH 15.TB;	Km5+345,93-Km5+815,93	Đã xong nền đường	
<b>2</b>	<b>Gia cố lề</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện (ĐH) năm 2021 - Hạng mục: Gia cố lề đường tuyến ĐH 18.TB;	Km5+000 - Km5+960	Đã hoàn thành, đang lập thủ tục quyết toán	
	Kiên cố hóa đường huyện (ĐH) năm 2021; Hạng mục: Gia cố lề đường tuyến ĐH 18.TB;	Km5+960 - Km6+510	Đã quyết toán, thanh toán xong	
<b>3</b>	<b>Bổ sung mương thoát nước (mương kín)</b>			
	Công trình: mương thoát nước (mương kín) ĐH1.TB; xã Bình Giang	Lý trình: Km5+114 - Km5+364 (phải tuyến)	Đã quyết toán	
	Công trình: mương thoát nước (mương kín) ĐH1.TB; xã Bình Triều	Km9+954 - Km10+126 (trái tuyến) và Km10+130 - Km10+208 (trái tuyến)	Đã quyết toán	
	Kiên cố hoá đường (ĐH) 2021; Hạng mục: Bổ sung mương thoát nước (mương kín) tuyến ĐH 2.TB	(km11+562-km11+772	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	
	Kiên cố hóa đường huyện(ĐH) năm 2021: Hạng mục bổ sung mương thoát nước(mương kín) tuyến ĐH 19.TB;	Km0+593-Km0+713(trái tuyến) và Km1+131-Km1+211(phải tuyến)	Đã hoàn thành và lập hồ sơ trình KTHT nghiệm thu	
<b>4</b>	<b>Cống hộp 2 cửa, khẩu độ 3m</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện năm 2021; Hạng mục: Cổng hộp 2 cửa khẩu độ 3m tuyến ĐH5.TB; Lý trình: Km0+870	Km0+870/ĐH5.TB	Đã quyết toán	
<b>5</b>	<b>Cống hộp 1 cửa, khẩu độ 4m</b>			
	Kiên cố hoá đường huyện ĐH năm 2021. Hạng mục: Cổng Bà Khoá	Km 16+350 (ĐH1. TB)	Đã Quyết toán	
	Kiên cố hoá đường huyện ĐH năm 2021. Hạng mục: Cổng Ông Tiền	Km 21+330 (ĐH1. TB)	Đã Quyết toán	
<b>6</b>	<b>Sửa chữa cầu</b>			
	Kiên cố hoá đường huyện ĐH năm 2021; Hạng mục: Cầu lố Ô	Km 6+470 (ĐH1.TB)	Đã quyết toán	
<b>7</b>	<b>Xây dựng cầu</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện ĐH năm 2021; Hạng mục: Cầu Bắc Lữ; Lý trình: ĐH1. TB - Km 15+240	Km 15+240/ ĐH1. TB	Đã quyết toán	
	Kiên cố hóa đường huyện ĐH năm 2022. Hạng mục: Cầu Bà Nhi ; Lý trình Km 18+130 (ĐH1.TB).	Lý trình Km 18+130 (ĐH1.TB)	Đã Quyết toán	
	Kiên cố hoá đường huyện ĐH năm 2021; Hạng mục: Cầu Đập Dâng	Km 6+660 (ĐH1.TB)	Đã bàn giao đưa vào sử dụng	
<b>II</b>	<b>NĂM 2022</b>			
<b>1</b>	<b>Kiên cố hóa mặt đường</b>			
	Kiên cố hóa đường ĐH năm 2022; Kiên cố hóa mặt đường và công trình trên tuyến ĐH7.TB	Km0+000-Km1+900	Xong phần nền và thoát nước, tràn qua đường 22% kl hợp đồng	
	Kiên cố hóa đường ĐH; Hạng mục: Kiên cố hóa mặt đường và công trình tuyến ĐH 13.TB;	Lý trình: Km6+300 - Km7+200	Đã bàn giao tiềm mốc triển khai thi công	
	Kiên cố hóa đường ĐH; Hạng mục: Kiên cố hóa mặt đường và công trình tuyến ĐH 15.TB;	Km5+816-Km6+816	Đã bàn giao mặt bằng cho bên thi công	
	Kiên cố hóa đường ĐH; Hạng mục: Kiên cố hóa mặt đường và công trình tuyến ĐH 28.TB;	Km2+500 - Km2+900	Đã hợp đồng với đơn vị thi công, đang triển khai GPMB khối lượng đạt 30%	
	Kiên cố hóa đường ĐH; Hạng mục: Kiên cố hóa mặt đường và công trình tuyến ĐH 29.TB;	Km2+300 - Km3+610	Đang lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường , đã trình sở chơ ý kiến	
<b>2</b>	<b>Gia cố lề</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện (ĐH) năm 2022; Hạng mục: Gia cố lề đường tuyến ĐH 18.TB;	Km6+510-Km8+020	Đang thi công đạt khối lượng 30%	

ST T	Danh mục công trình	Lý trình	Tiến độ thực hiện dự án	Ghi chú
<b>3</b>	<b>Bổ sung mương thoát nước (mương kín)</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện (ĐH) năm 2022; Hạng mục: bổ sung mương thoát nước (mương kín) tuyến ĐH 1.TB;	Km4+000 - Km9+000	Chuẩn bị triển khai thi công	
	Kiên cố hóa đường huyện (ĐH) năm 2022; Hạng mục: bổ sung mương thoát nước (mương kín) tuyến ĐH 2.TB;	Km15+151 - Km15+461	Đã thi công đạt 90% khối lượng	
	Kiên cố hóa đường huyện ĐH năm 2022; Hạng mục: Bổ sung mương thoát nước (Mương kín); Tuyến ĐH 5.TB	Km0+000-Km4+000	Đang thi công 50% khối lượng	
	Kiên cố hóa đường huyện ĐH năm 2022; Hạng mục: Bổ sung mương thoát nước (Mương kín); Tuyến ĐH 4.TB	Km2+000-Km6+500	Đang lập hồ sơ trình phê duyệt BCKTKT	
<b>4</b>	<b>Bổ sung mương thoát nước (mương hở)</b>			
	Kiên cố hóa đường ĐH năm 2022 hạng mục : Bổ sung mương thoát nước (mương hở) tuyến ĐH 15.TB	Km0+000-Km 4+000 (đoạn Km0+830,94-Km1-886,19)	Đang thi công, khối lượng đạt 50%	
	Kiên cố hóa đường ĐH năm 2022 hạng mục : Bổ sung mương thoát nước (mương hở) tuyến ĐH 7.TB	Km2+000 – Km5+900 (đoạn Km2+070 - Km2+682,6)	Đang thi công khối lượng 20%	
	Kiên cố hóa đường ĐH năm 2022 hạng mục : Bổ sung mương thoát nước (mương hở) tuyến ĐH 7.TB	Km2+000 - Km14+000 (đoạn Km2+412,3 - Km4+570,3)	Đang thi công khối lượng 20%	
<b>5</b>	<b>Cống hộp 2 cửa, khẩu độ 3m</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện ĐH năm 2022. Hạng mục: Công 2 cửa khẩu độ 3m ;Lý trình Km2+340/ĐH 21.TB	Lý trình Km2+340/ĐH 21.TB	Đã ký HĐ xây lắp	
<b>6</b>	<b>Cống hộp 3 cửa, khẩu độ 3m</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện ĐH năm 2022; Hạng mục: Công hộp 3 cửa khẩu độ 3M	Km1+176 và Km1+230/ĐH 9.TB	Đã ký HĐ xây lắp	
<b>7</b>	<b>Sửa chữa cầu</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện ĐH năm 2022; Hạng mục: Sửa chữa cầu	Km7+230/ ĐH 3.TB	Đã ký HĐ xây lắp	
<b>8</b>	<b>Xây dựng cầu</b>			
	Kiên cố hóa đường huyện ĐH năm 2022; Hạng mục: Xây mới cầu; lý trình: Km7+200/ ĐH 13.TB	Km7+200/ ĐH 13.TB	Đã ký HĐ xây lắp	
	Kiên cố hoá đường huyện ĐH năm 2022; hạng mục: Xây mới cầu; lý trình: Km3+600/ĐH 5.TB	Km3+600/ĐH 5.TB	Đã có Báo cáo đánh giá HSDT ký TT HĐ xây lắp	

**Phụ lục 02**

(Kèm theo Báo cáo số: 314/BC-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Thăng Bình)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2 ĐỀ ÁN KIẾN CỐ HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN**

STT	Danh mục công trình	Tên xã/ Năm dự kiến hoặc đạt chuẩn NTM	Tiến độ thực hiện dự án	Ghi chú
<b>I</b>	<b>NĂM 2021 (ĐỢT 1)</b>			
<b>1</b>	<b>Bảo đảm 90% xã đạt chuẩn NTM</b>			
1.1	Bê tông hóa đường trục xã			
1	Tuyến ông Lê Tấn Hùng tổ 3 thôn Hiền Lộc,	Bình Lãnh/2022	Công trình còn 300m chưa thi công	
2	Cầu ông Cang tổ 4 thôn Hiền Lộc đi Hiền Phong	Bình Lãnh/2022		
3	Quốc lộ 14 E đi ĐH 28 (Đồng Kè)	Bình Lãnh/2022		
4	Xóm đôi tổ 11 đi 12 thôn Sơn Cẩm Nga,	Bình Lãnh/2022		
5	Nguyễn Hoa đi ông Lê Văn Ba tổ 6 thôn Hiền Phong,	Bình Lãnh/2022		
6	Nguyễn Nhận đi ông Phan Nam tổ 8 thôn Hiền Phong	Bình Lãnh/2022		
7	Tuyến Cao Ngạn (tuyến này KH 2021 đây là đường nâng cao Chất lượng nhưng huyện phê duyệt BCKTKT gộp chung với đường trục xã)	Bình Lãnh/2022		
1.2	Bê tông hóa đường trục thôn			
1	Tuyến giao thông nông thôn Lê Tấn Chi đến Phan Sỹ Quang tổ 5 Thôn Hiền Phong	Bình Lãnh/2022	Đã thi công xong	
2	Đường GTNT từ Gò Đình đi Nguyễn Đước tổ 3 thôn Hiền Lộc	Bình Lãnh/2022		
3	Tuyến ĐH28 đi ông Nguyễn Liễu tổ 15 thôn Nam Bình Sơn (tuyến này KH 2021 là đường trục xóm nhưng phê duyệt BCKTKT gộp chung với đường trục thôn)	Bình Lãnh/2022		
4	Tuyến bê tông đi ông Năm, ông Anh tổ 2 thôn Thái Đông	Bình Nam/2022	Đã QT công trình	
5	Tuyến bê tông đi ông Quang tổ 2 thôn Vĩnh Giang	Bình Nam/2022		
6	Tuyến bê tông đi ông Diệp, ông Quảng thôn Đông Tác	Bình Nam/2022		
7	Tuyến bê tông đi ông Diễm tổ 6 thôn Nghĩa Hòa	Bình Nam/2022		
8	Tuyến từ nhà ông Bùi Thuận đến nhà ông Nguyễn Văn Hiếu tổ 4 thôn Duy Hà	Bình Dương /2021	Đã phê duyệt QT	
9	Tuyến từ giáp bê tông tổ 12 đi đường Võ Chí Công	Bình Dương /2021		
1.3	Bê tông hóa đường ngõ xóm			

1	Tuyển bà Võ Thị Nga đi ngõ ông Nguyễn Triều tổ 11 thôn Sơn Cẩm Nga,	Bình Lãnh/2022	Công trình chưa ký hợp đồng thi công	
2	Tuyển Xóm mới tổ 3 thôn Hiền Lộc	Bình Lãnh/2022		
3	Tuyển ông Nguyễn Tấn Phước đi ông Thi Văn Nhựt tổ 14 thôn Nam Bình Sơn	Bình Lãnh/2022	Đã thi công xong	
4	Tuyển Bê tông tổ 19 thôn Bắc Bình Sơn đi ngõ nhà ông Nguyễn Vàng	Bình Lãnh/2022		
5	Tuyển đường Bê tông đi ngõ ông Nguyễn Tấn Liên tổ 19 thôn Bắc Bình Sơn	Bình Lãnh/2022		
6	Tuyển tổ 6 thôn Bình Quang ( Bưu điện đi nhà ông Tuệ ) (tuyển này KH 2021 là đường thôn nhưng phê duyệt BCKTKT gộp chung với đường xóm)	Bình Quế /2022	Đã hoàn thành	Đang làm HS Quyết toán
7	Tuyển tổ 14 thôn Bình Phụng ( Từ nhà ông Trương Thành đến nhà Bà Bùi Thị Phương) (tuyển này KH 2021 là đường thôn nhưng phê duyệt BCKTKT gộp chung với đường xóm)	Bình Quế /2022		
8	Tuyển tổ 18 thôn Bình Phụng ( Từ nhà ông Thái đi nhà ông Thuận )	Bình Quế /2022		
9	Tuyển tổ 5 thôn Bình Quang ( Từ đường ĐH21 đến nhà ông Hùng)	Bình Quế /2022		
10	Tuyển tổ 1 thôn Bình Hội ( Từ quán bà Nhung đi giáp ĐH25 )	Bình Quế /2022		
11	Tuyển tổ 3 thôn Bình Quang ( Từ nhà ông Mục đi nhà ông Ngọc )	Bình Quế /2022	Đã quyết toán	
12	Tuyển tổ 7 thôn Bình Quang (từ nhà ông Nở đi nhà ông Tòa)	Bình Quế /2022		
13	Tuyển tổ 4 thôn Bình Quang(từ nhà ông Thoảng đi nhà bà Thế)	Bình Quế /2022		
14	Tuyển tổ 7 thôn Bình Quang (từ nhà ông Phạm Lai đến nhà ông Phạm Đào)	Bình Quế /2022	Đã quyết toán	
15	Tuyển tổ 9 thôn Bình Xá (từ đường ĐH4 đến nhà ông Cảnh)	Bình Quế /2022		
16	Tuyển tổ 8 thôn Bình Quang (từ đường ĐH4 đến nhà ông Phạm Chi)	Bình Quế /2022		
17	Tuyển tổ 12 thôn Bình Xá ( từ nhà bà Thi đến nhà ông Nhân)	Bình Quế /2022	Đã quyết toán	
18	Tuyển tổ 11 thôn Bình Xá (từ nhà ông Tư đến nhà ông Trục)	Bình Quế /2022		
19	Tuyển tổ 16 thôn Bình Phụng ( từ nhà ông Ngô Yến đi nhà ông Ngô Hương)	Bình Quế /2022	Chưa quyết toán	
3	<b>Nâng cao chất lượng đường GTNT</b>			
3.1	Bê tông hóa mặt đường			
1	Tuyển tổ 15 đi tổ 18 thôn Bình Phụng	Bình Quế /2022	Đã quyết toán	

2	Từ giáp tuyến ĐH tổ 1 đến KDC tổ 1 (nhà ông Nguyễn Tiến Tri) thôn Lạc Cầu	Bình Dương/2021	Đã Nghiệm thu kỹ thuật	Đang lập QT	
3	Tuyến từ ngõ ông Nguyễn Văn Tiến đến giáo trung đoàn 143, thôn Vĩnh Phú (tổ 1, thôn Vĩnh Phú)	Bình Trung/2021	Thi công hoàn thành 100% nhưng chưa QT	Đã nghiệm thu hoàn thành; đã lập hồ sơ QT gửi Phòng TC-KH	
4	Tuyến từ nhà ông Trần Văn Thành- tổ 3 thôn Vĩnh Phú	Bình Trung/2021			
5	Tuyến từ nhà bà Nguyễn Thị Hiến tổ 2 đến nhà ông huỳnh Ngọc Nhơn tổ 2 thôn Vĩnh Phú	Bình Trung/2021			
6	Tuyến từ nhà bà Trần Thị Thu – nhà Dương Toàn( tổ 6 thôn Quý Mỹ)	Bình Quý/2021	Thi công hoàn thành 100%	đang làm hồ sơ quyết toán	
7	Tuyến từ nhà Dương Đình Hà – Nhà trần Sơn( tổ 6 thôn Quý Mỹ)	Bình Quý/2021			
8	Tuyến từ nhà Ngô Nguyên – nhà Nguyễn Được( tổ 5 thôn Quý Mỹ)	Bình Quý/2021			
9	Tuyến Nhà Nguyễn Tấn Anh đi đường bê tông tổ 3 thôn Xuân Thái	Bình Định Bắc/2021	Đã quyết toán		
10	Tuyến Nhà trương thị Hiền đi đường ĐH 15 Bình Trị tổ 1 thôn Xuân Thái	Bình Định Bắc/2021			
11	Tuyến Nhà Lê cảm Phú đi đường bê tông tổ 1 thôn Xuân An	Bình Định Bắc/2021			
4	<b>Xây dựng, sửa chữa cầu, cống:</b>				
-	Đường trục xã				
1	Cầu khe Ba la trên Tuyến thôn Tịch Yên đi thôn Thái Đông xã Bình Nam	Xã Bình Nam, /2022	Đã Quyết toán công trình		
2	Cầu thoát qua kênh N16/ Tuyến ĐX6 B. Chánh	Bình Chánh/2021	Đã hoàn thành 100%		
3	Cầu Lùm trên Tuyến đường trung tâm xã đến thôn Thanh Ly 2 xã Bình Nguyên	Bình Nguyên/2021	Đã Quyết toán công trình		
-	Đường trục thôn				
1	Cầu Gò Khang tuyến tổ 13, thôn Bình Xá	Bình Quế /2022	chưa thi công	Đang gia hạn tiến độ TC	
2	Cầu bà Chi (Tuyến tổ 2 thôn Xuân An)	Bình Định Bắc/2021	Đã quyết toán		
3	Cầu Vũng Trảng (Suối ruột gà đi máy gạo 3 Nguyễn)	Bình Định Bắc/2021	Đã quyết toán		
II	<b>NĂM 2022 (ĐỢT 2)</b>				
1	<b>Bảo đảm 90% xã đạt chuẩn NTM</b>				
1.1	Bê tông hóa đường trục xã				
1	Tuyến QL 14E đi tổ 16 thôn Nam Bình Sơn	Bình Lãnh/2022	Công trình đã thi công xong		
2	Tuyến Tổ 14 đi tổ 13 thôn Nam Bình Sơn	Bình Lãnh/2022			
3	Tuyến 14 E đi Đồng Vu thôn Nam Bình Sơn	Bình Lãnh/2022			
4	tuyến tổ 8 đi đập giao thủy thôn Hiền Phong	Bình Lãnh/2022			

5	Tuyển Đình Hiền Lộc đi nhà ông Nguyễn Văn Ngự.	Bình Lãnh/2022		
1.2	Bê tông hóa đường trục thôn			
1	Tuyển Nguyễn Nghĩa đi Nguyễn Hồng Lĩnh tổ 3 thôn Hiền Phong	Bình Lãnh/2022	Công trình đã thi công xong	
2	Tuyển QL 14 E đi Ngõ Bà Phạm Thị Huyền tổ 17 thôn Nam Bình Sơn	Bình Lãnh/2022		
3	Tuyển GTNT tổ 12 thôn Sơn Cẩm Nga	Bình Lãnh/2022		
4	Tuyển tổ 10 thôn Bình Xá ( Từ nhà ông Chè đi nhà ông Cự )	Bình Quế/2022	Đang thi công	
5	Tuyển tổ 5 thôn Bình Quang ( Từ nhà Phước đến nhà bà Liễu )	Bình Quế/2022		
6	Tuyển từ nhà ông Đặng Phước Châu đến giáp đường bê tông tổ 3 thôn Duy Hà	Bình Dương/2021	Đang thi công	
7	Tuyển từ nhà ông Bùi Thuận đi ra biển tổ 4 thôn Duy Hà	Bình Dương/2021		
8	Tuyển từ ĐH20 đi tổ 4 thôn An lộc	Bình Định Nam/2021	Công trình thi công 60% khối lượng	
1.3	Bê tông hóa đường ngõ xóm			
1	Tuyển trục xóm thôn Cao Ngạn,	Bình Lãnh/2022	Công trình đã thi công xong	
2	Tuyển Ngõ Lê Thị Mãi đi Ngõ Lê Quang Bích tổ 16 thôn Nam Bình Sơn	Bình Lãnh/2022		
3	Tuyển Ngõ Lương Thanh Thủy đến Hồng Minh Long tổ 18 Thôn Bắc Bình Sơn	Bình Lãnh/2022		
4	Tuyển Ngõ Nguyễn Khê đi Ngõ Dương Tấn Lợi tổ 20 thôn Sơn Cẩm Nga	Bình Lãnh/2022		
5	tuyển ngõ nhà DH7 đi nhà ông Phan Giáp thôn Hiền Phong	Bình Lãnh/2022		
6	Tuyển ngõ Lê Tiến Tùng đến ngõ Lê Quang Oanh tổ 19 thôn Bắc Bình Sơn	Bình Lãnh/2022		
7	Tuyển Hóc Nai tổ 20 thôn Sơn Cẩm Nga	Bình Lãnh/2022		
8	Tuyển tổ 1 thôn Bình Hội ( Từ nhà ông Đặng Một đi nhà ông Phạm Ngọc Minh )	Bình Quế/2022	Đang lựa chọn nhà thầu	
9	Tuyển tổ 3 thôn Bình Quang ( Từ đường ĐH 4 đến nhà ông Bùi Thanh Quang )	Bình Quế/2022		
10	Tuyển tổ 12 thôn Bình Xá ( Từ nhà ông Đào đi cầu Vôi )	Bình Quế/2022		
11	Tuyển tổ 14 thôn Bình Phụng ( Từ nhà ông Cảnh đi ông Quang )	Bình Quế/2022		
12	Tuyển tổ 1 thôn Bình Hội	Bình Quế/2022		
13	Tuyển ô. Nguyễn Diễn đi ô. Nguyễn Lâm	Bình Quế/2022		
14	Tuyển ô. Đặng Một đi ô. Srong	Bình Quế/2022		
15	Tuyển ô. Đặng Một đi Cao tốc	Bình Quế/2022		



16	Tuyển ô. Nguyễn Lành đi Cao Văn Năm	Bình Quế/2022		
17	Tuyển ô. Đông đi ô.Nghinh	Bình Quế/2022		
18	Tuyển GTNT tổ 17	Bình Quế/2022		
19	Tuyển ĐH10 đi ô. Phú, tổ 10 thôn Tú Ngọc A	Bình Tú/2020	Đã thi công xong	Đang lập hồ sơ quyết toán, nghiệm thu.
20	Tuyển ô. Khôi đi ô. Linh, tổ 9 thôn Tú Nghĩa	Bình Tú/2020		
21	Tuyển Bà Hân đi ô. Đăng, tổ 10 thôn Tú Nghĩa	Bình Tú/2020		
22	Tuyển ngõ Trục đi ngõ Thanh, tổ 17 thôn Châu Lâm	Bình Trị/2021	Đang làm hồ sơ mời thầu	
23	Tuyển ngõ Minh đi ngõ Lý, tổ 13 thôn Việt Sơn	Bình Trị/2021		
24	Tuyển GTNT tổ 6	Bình Nguyễn/2021	Đơn vị TVMT đã mời đơn vị thứ 03 đến thương thảo Hợp đồng	
25	Tuyển GTNT thôn Thanh Ly 1 (tổ 8; 9;10)	Bình Nguyễn/2021	Đơn vị TVMT đã mời đơn vị thứ 03 đến thương thảo Hợp đồng	
	....			
3	<b>Nâng cao chất lượng đường GTNT</b>			
3.1	Bê tông hóa mặt đường			
1	Tuyển tổ 5 thôn Hiền Phong	Bình Lãnh/2022	Công trình đã thi công xong	
2	Tuyển tổ 4 Gò Đình đi Hồ chùa Thôn Hiền Lộc (Bổ sung tại QĐ1615 của Tỉnh)	Bình Lãnh/2022	Công trình đang thi công	Bổ sung tại QĐ1615 của Tỉnh
3	Tuyển nhà thờ tộc lê đi ô. Giảng	Bình Sa/2021		Đã nộp trả lại ngân sách và báo cáo UBND huyện
4	Tuyển tổ 5 thôn Tây Giang	Bình Sa/2021		
5	Tuyển tổ 6 thôn Bình Trúc nối đường 129	Bình Sa/2021		
6	Tuyển QL1A đi ô. Bình, tổ 7 thôn Tú Ngọc A	Bình Tú/2021	Đã thi công xong	Đang lập hồ sơ quyết toán, nghiệm thu.
7	Tuyển ĐH11 đi nhà Trần Ngọc Anh thôn Ngọc sơn Đông	Bình Phục/2021	Công trình chưa thi công	Đang lập hồ sơ mời thầu.
8	Tuyển nhà Mai Văn Cẩm đến nhà bà Lê Thị Tám tổ 6A	Bình Phục/2021		
9	Tuyển GTNT tổ 13	Bình Nguyễn /2021	Đơn vị TVMT đã mời đơn vị thứ 03 đến thương thảo	
10	Tuyển GTNT tổ 8	Bình Nguyễn /2021		

11	Tuyến tổ 14, tổ 15 đi nhà VH thôn Thanh Ly 2	Bình Nguyên /2021	Hợp đồng	
4	<b>Xây dựng, sửa chữa cầu, cống</b>			
-	Đường trục xã			
1	Cống tuyến ĐX1	Bình Định Nam/2021	Dự án đã phê duyệt quyết toán	
	...			
-	Đường trục thôn			
1	Công trình: Công hợp QL 14 E đi tổ 16 thôn Nam Bình Sơn	Bình Lãnh/2022	Công trình đã thi công xong	
2	Công hợp tuyến tổ 12 đi đồng Gò Đá	Bình Quế/2022	Đang thi công	Giải ngân Tke
3	Cầu Voi tổ 13 đi tổ 14 thôn Bình Phụng	Bình Quế/2022	Đã thi công xong	Đã giải ngân
4	Cống tuyến thôn Châu Xuân đi Đồng Thanh Sơn	Bình Định Nam/2021	Dự án đã phê duyệt quyết toán	
5	Cống hợp tổ 5 thôn Bình Trúc	Bình Sa/2021	Công trình đạt 40% khối lượng	
6	Cống hợp tổ 5 thôn Tây Giang	Bình Sa/2021	100% khối lượng	
7	Cống hợp GTNT tổ 12	Bình Nguyên /2021	Đã nghiệm thu kỹ thuật và đang làm hs quyết toán	
8	Cầu Ván tổ 8 thôn Tú Nghĩa	Bình Tú/2020	Đã hợp đồng nhà thầu và chuẩn bị thi công	
9	Cống Bàu Thờ, tổ 19 thôn Quý Xuân	Bình Quý/2021	Đã hoàn thành 95% khối lượng	

**PHỤ LỤC 03**  
(Kèm theo Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 30/6/2023 của UBND huyện Thăng Bình)  
**KẾ HOẠCH KIẾN CỐ HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG HUYỆN ĐỢT 3**  
Đơn vị: Huyện Thăng Bình

TT	KV/huyện/ tuyến	Đơn vị tính	Chi tiêu đề án (5 năm)				Phân theo đợt	Lý trình	Kế hoạch, danh mục theo thứ tự ưu tiên			Ghi chú	
			Khối lượng	Tổng kinh phí (tỷ đồng)	Ngân sách tỉnh (tỷ đồng)	Phạm vi, khối lượng thực hiện			Chiều dài/ Số lượng	Kết cấu mặt đường	Tổng		Ngân sách tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
<b>TỔNG CỘNG</b>													
1	Kiến cố hóa mặt đường	Km	23,03	178,52	86,86			13,46		125,80	51,52	74,28	
1.1	Mặt đường 3,5m	Km	-	101,34	41,46			-		68,60	23,32	45,29	0,00
b	Kế hoạch danh mục đợt 3			-				-		-	-	0,00	
1.2	Mặt đường 5,5m	Km	23,03	101,34	41,46			13,46		68,60	23,32	45,29	
a	Lấy kế khối lượng đợt 1,2							9,21		45,15	16,15	29,00	
	DH 26.TB					đợt 1	Km2+328-Km4+528	2,20	BTXM	11,32	4,08	7,24	
	DH 19.TB					đợt 1	Km3+069-Km4+994,73	1,93	BTXM	9,47	3,23	6,24	
	DH 15.TB					đợt 1	Km5+346-Km5+816	0,47	BTXM	2,52	0,87	1,64	
	DH 7.TB					đợt 2	Km0+000-Km1+000	1,00	BTN	3,42	1,35	2,07	
	DH 13.TB					đợt 2	Km6+300-Km7+200	0,90	BTXM	3,89	1,67	2,22	
	DH 15.TB					đợt 2	Km5+816-Km6+816	1,00	BTXM	4,98	1,77	3,20	
	DH 28.TB					đợt 2	Km2+500-Km2+900	0,40	BTXM	1,76	0,74	1,02	
	DH 29.TB					đợt 2	Km2+300-Km3+610	1,31	BTXM	7,80	2,43	5,37	
b	Kế hoạch danh mục đợt 3							4,250		23,45	7,17	16,29	
	DH 7.TB					đợt 3	Km1+000-Km1+825	0,825	BTN	4,17	1,11	3,06	
	DH 10.TB					đợt 3	Km9+000-Km12+000	0,60	BTN	3,04	0,81	2,23	
	DH 17.TB					đợt 3	Km8+140-Km11+000	2,825	BTXM	16,24	5,24	11,00	
2	Gia cố lề đường	Km	7,57	9,83	4,99			4,53		8,43	2,61	5,82	
2.1	Gia cố lề đường rộng 0,5m	Km											
2.2	Gia cố lề đường rộng 1,0m	Km											
2.3	Gia cố lề đường rộng 2,0m	Km	7,57	9,83	4,99			4,53		8,43	2,61	5,82	
a	Lấy kế khối lượng đợt 1,2							3,02		5,21	1,68	3,53	
	DH 18.TB					đợt 1	Km5+000-Km6+510	1,51	BTXM	2,44	0,75	1,68	
	DH 18.TB					đợt 2	Km6+510-Km8+020	1,51	BTXM	2,78	0,93	1,85	
b	Kế hoạch danh mục đợt 3							1,51		3,22	0,93	2,29	
	DH 1.TB					đợt 3	Km12+000-Km14+000	0,515	BTXM	1,10	0,32	0,78	



TT	KV/huyện/ tuyên	Đơn vị tính	Chi tiêu đề án (5 năm)				Phân theo đợt	Kế hoạch, danh mục theo thứ tự ưu tiên				Ghi chú						
			Khối lượng	Tổng kinh phí (tỷ đồng)	Ngân sách tỉnh (tỷ đồng)	Lý trình		Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)										
								Chiều dài/ Số lượng	Kết cấu mặt đường	Tổng	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện, xã đối ứng					
6	Công hợp 2 cửa khẩu độ 3m	Cải	4,00	3,20	1,92													
a	Lũy kế khối lượng đợt 1,2 DH5.TB					đợt 1	Km0+870	2		2,65	1,17	1,48	0,95					
	DH21.TB					đợt 2	Km2+340	1		1,73	0,78	0,95	0,55					
b	Kế hoạch danh mục đợt 3 DH1.TB					đợt 3	Km20-080	1		0,94	0,39	0,55	0,40					
7	Công hợp 3 cửa khẩu độ 3m	Cải	12,00	14,40	8,64					2,19	1,00	1,19	0,78					
a	Lũy kế khối lượng đợt 1,2 DH9.TB					đợt 2	Km1+176 và Km1+230	2		2,19	1,00	1,19	0,39					
b	Kế hoạch danh mục đợt 3							0		-	-	0,00						
8	Sửa chữa cầu	Cải	6,00	4,00	2,40					1,95	1,17	0,78	0,78					
a	Lũy kế khối lượng đợt 1,2 DH1.TB					đợt 1	Km6+470	312,00		1,95	1,17	0,78	0,78					
	DH3.TB					đợt 2	Km7+230	300,00		0,97	0,58	0,39	0,39					
b	Kế hoạch danh mục đợt 3									0,98	0,59	0,39	0,39					
9	Xây dựng các công trình cầu	Cải	11,00	33,75	20,25					25,18	14,85	10,33						
a	Lũy kế khối lượng đợt 1,2	m	150,00					7,00										
1	Cầu Bắc Lữ (DH 1.TB)	m				đợt 1	Km15+240	15,54		2,48	1,49	0,99	0,99					
2	Cầu Bà Nhì (DH 1.TB)	m				đợt 1	Km18+130	10,64		1,57	0,94	0,63	0,63					
3	Cầu Đập Dăng (DH 1.TB)	m				đợt 1	Km6+660	18,06		3,39	1,62	1,77	1,77					
4	Cầu qua kênh (DH 13.TB)	m				đợt 2	Km7+200	22,00		4,68	2,97	1,71	1,71					
5	Cầu bán (DH 5.TB)	m				đợt 2	Km3+600	12,30		1,80	1,08	0,72	0,72					
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																	
1	Cầu bán (DH 15.TB)	m				đợt 3	Km6+700	14,00		3,15	1,89	1,26	1,26					
2	Cầu qua suối Ly Ly (DH 28.TB)	m				đợt 3	Km2+250	36,00		8,10	4,86	3,24	3,24					

Ghi chú:

- Cột (4) Khối lượng: lấy theo mục XIV phụ lục I của Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh; Khối lượng này được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 (Bảng 2);

TT	KV/huyện/ tuyên	Đơn vị tỉnh	Chỉ tiêu đề án (5 năm)			Phân theo đợt	Kế hoạch, danh mục theo thứ tự ưu tiên				Chi chú
			Khối lượng	Tổng kinh phí (tỷ đồng)	Ngân sách tỉnh (tỷ đồng)		Lý trình	Chiều dài/ Số lượng	Kết cấu mặt đường	Tổng	

- Cột (5) Tổng kinh phí: lấy theo Bảng 2 của Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Thăng Bình (có tăng hơn so với *NQ 38/NQ-HĐND tỉnh* vì cấp huyện phải đối ứng nguồn vốn từ ngân sách huyện, xã, nhân dân ngoài đơn giá của tỉnh);

- Cột (6) Ngân sách tỉnh: lấy theo mục XIV phụ lục I của Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh; được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 (Bảng 2);

- Cột (11), (12), (13): về đợt 1, đợt 2: lấy theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư; về đợt 3: lấy theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện Thăng Bình;

TT	KV/huyện/ tuyên	Đơn vị tỉnh	Chi tiêu đề án (5 năm)					Kế hoạch, danh mục theo thứ tự ưu tiên										Dự kiến kinh phí (ý đồng)			Chi cứ
			Khối lượng	Tổng kinh phí (tỷ đồng)	Ngân sách tỉnh (tỷ đồng)	Phân theo đợt	Tên xã/Năm dự kiến hoạt đại chính NTM	Phạm vi, khối lượng, quy mô thực hiện										Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và nhân dân đời	
								Chiều dài/ Số lượng	Kết cấu mặt đường	Bm±=2,0m	Bm±=3,0m	Bm±=3,5m	Bm±=5,5m	(15)	(16)	(17)	(18)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)				
	<b>TỔNG CỘNG</b>			63,22	48,83										52,37	22,92	29,44				
	<b>Cơ chế của địa phương</b>																				
	<b>Cơ chế của tỉnh</b>			63,22	48,83																
1	Bao đảm 90% xã đạt chuẩn NTM		23,94	16,02											52,37	22,92	29,44				
1.1	Bê tông hoàn đường trục xã	Km	5,30	5,30				5,31							6,04	4,05	1,99				
a	Lấy kế hoạch lương đợt 1,2																				
1	Tuyên ông Lê Tấn Hùng tổ 3 thôn Hiền Lộc					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,35	BTXM		X				0,39	0,24	0,099				
2	Cầu ông Càng tổ 4 thôn Hiền Lộc đi Hiền Phong					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,45	BTXM		X				0,56	0,31	0,126				
3	Quốc lộ 14 E đi ĐH 28 (Đông Khê)					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,655	BTXM		X				0,641	0,45	0,191				
4	Xóm đời tổ 11 đi 12 thôn Sơn Cẩm Ngã					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,45	BTXM		X				0,440	0,31	0,130				
5	Nguyễn Hoa đi ông Lê Văn Ba tổ 6 thôn Hiền Phong					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,45	BTXM		X				0,440	0,31	0,130				
6	Nguyễn Nhân đi ông Phạm Nam tổ 8 thôn Hiền Phong					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,35	BTXM		X				0,342	0,24	0,102				
7	Tuyên GTNT thôn Cao Ngạn (tuyên này KH 2021 là đường nâng cao chất lượng nhưng phải duyệt BCKTKT góp chung với đường trục xã)					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,5	BTXM		X				0,581	0,40	0,181				
8	Tuyên QL 14E đi tổ 16 thôn Nam Bình Sơn					Dợt 2	Bình Lãnh/2022	0,26	BTXM		X				0,18						
9	Tuyên tổ 14 đi tổ 13 thôn Nam Bình Sơn					Dợt 2	Bình Lãnh/2022	0,44	BTXM		X				0,30						
10	Tuyên 14 E đi Đông Vu thôn Nam Bình Sơn					Dợt 2	Bình Lãnh/2022	0,6	BTXM		X				2,818	0,41	1,03				
11	Tuyên tổ 8 đi đập gạo thủy thôn Hiền Phong					Dợt 2	Bình Lãnh/2022	1	BTXM		X				0,69						
12	Tuyên Đinh Hiền Lộc đi nhà ông Nguyễn Văn Ngự					Dợt 2	Bình Lãnh/2022	0,3	BTXM		X				0,21						
-	Kế hoạch danh mục đợt 3																				
b	Bê tông hoàn đường trục thôn	Km	4,65	3,72				4,43							4,62	1,82	2,80				
1.2	Lấy kế hoạch lương đợt 1,2																				
1	Tuyên giao thông thôn Lê Tấn Chi thôn Phan Sỹ Quang tổ 5 Thôn Hiền Phong					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,375	BTXM		X					0,17					
2	Đường GTNT từ Gò Đình đi Nguyễn Dược tổ 3 thôn Hiền Lộc					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,125	BTXM		X				0,787	0,06	0,44				
3	Tuyên ĐH28 đi ông Nguyễn Liễu tổ 15 thôn Nam Bình Sơn (tuyên này KH 2021 là đường trục xóm nhưng phải duyệt BCKTKT góp chung với đường trục thôn)					Dợt 1	Bình Lãnh/2022	0,25	BTXM		X				0,12						
4	Tuyên bê tông đi ông Năm, ông Anh tổ 2 thôn Thái Đông					Dợt 1	Bình Nam/2022	0,156	BTXM		X				0,04						
5	Tuyên bê tông đi ông Quang tổ 2 thôn Vĩnh Giang					Dợt 1	Bình Nam/2022	0,12	BTXM		X				0,695	0,03	0,52				
6	Tuyên bê tông đi ông Diệp, ông Quang thôn Đông Tác					Dợt 1	Bình Nam/2022	0,22	BTXM		X				0,06						
7	Tuyên bê tông đi ông Diên tổ 6 thôn Nghĩa Hòa					Dợt 1	Bình Nam/2022	0,184	BTXM		X				0,05						
8	Tuyên từ nhà ông Bùi Thuần đến nhà ông Nguyễn Văn Hiền tổ 4 thôn Đông Hải					Dợt 1	Bình Dương/2021	0,11	BTXM		X				0,641	0,03	0,47				
9	Tuyên từ giúp bê tông tổ 1,2 đi đường TĐ Chí Công					Dợt 1	Bình Dương/2021	0,54	BTXM		X				0,14						
10	Tuyên Nguyễn Nghĩa đi Nguyễn Hồng Lĩnh tổ 3 thôn Hiền Phong					Dợt 2	Bình Lãnh/2022	0,25	BTXM		X				0,17						

11	Tuyến QL 14 E đi Ngõ Ba Phạm Thị Huyền tổ 17 thôn Nam Bình Sơn				Đợt 2	Bình Lành/2022	0,13	BTXM		X		0,28
12	Tuyến GTNT tổ 12 thôn Sơn Cẩm Nga				Đợt 2	Bình Lành/2022	0,32	BTXM		X		0,09
13	Tuyến tổ 10 thôn Bình Xá ( từ nhà ông Chè đi nhà ông Cư )				Đợt 2	Bình Quế/2022	0,49	BTXM		X	0,769	0,22
14	Tuyến tổ 5 thôn Bình Quang ( Từ nhà Phước đến nhà bà Liễu)				Đợt 2	Bình Quế/2022	0,22	BTXM		X		0,19
15	Tuyến từ nhà ông Đông Phước Châu đến giáp đường bê tông tổ 3 thôn Dạy Hà				Đợt 2	Bình Dương/2021	0,29	BTXM		X		0,11
16	Tuyến từ nhà ông Bùi Thuận đi ra biển tổ 4 thôn Dạy Hà				Đợt 2	Bình Dương/2021	0,11	BTXM		X	0,421	0,04
17	Tuyến từ DH20 đi tổ 4 thôn An lộc				Đợt 2	Bình Định Nam/2021	0,51	BTXM		X	0,55	0,21
b	Kế hoạch danh mục dự 3				-	-	-			-		
1.3	Bê tông bê đường ngõ xóm	Km	13,99	7,00			13,76				14,93	5,76
a	Lấy kê khởi lương đợt 1,2											9,17
1	Tuyến bà Võ Thị Nga đi Ngõ ông Nguyễn Triệu tổ 11 thôn Sơn Cẩm Nga,				Đợt 1	Bình Lành/2022	0,28	BTXM		X		0,13
2	Tuyến xóm mới tổ 3 thôn Hiến Lộc				Đợt 1	Bình Lành/2022	0,41	BTXM		X		0,19
3	Tuyến ông Nguyễn Tân Phước đi ông Thị Vấn Nhứt tổ 14 thôn Nam Bình Sơn				Đợt 1	Bình Lành/2022	0,23	BTXM		X		0,11
4	Tuyến Bê tông tổ 19 thôn Bắc Bình Sơn đi ngõ nhà ông Nguyễn Vàng				Đợt 1	Bình Lành/2022	0,17	BTXM		X		0,08
5	Tuyến đường Bê tông đi ngõ ông Nguyễn Tấn Lân tổ 19 thôn Bắc Bình Sơn				Đợt 1	Bình Lành/2022	0,21	BTXM		X		0,10
6	Tuyến tổ 6 thôn Bình Quang ( Bùn đắp đi nhà ông Thê ) tuyến này KH 2021 là đường thôn nhưng phê duyệt BCKTKT sếp chung với đường xóm				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,32	BTXM		X	0,09	
7	Tuyến tổ 14 thôn Bình Phúong ( Từ nhà ông Trương Thành đến nhà Bà Bùi Thị Phuong) tuyến này KH 2021 là đường thôn nhưng phê duyệt BCKTKT sếp chung với đường xóm				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,18	BTXM		X	1,001	0,05
8	Tuyến tổ 18 thôn Bình Phúong ( Từ nhà ông Thái đi nhà ông Thuận )				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,19	BTXM		X		0,05
9	Tuyến tổ 5 thôn Bình Quang ( Từ đường DH21 đến nhà ông Hàng)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,26	BTXM		X		0,07
10	Tuyến tổ 1 thôn Bình Hội ( Từ quán bà Nhung đi giáp DH23 )				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,36	BTXM		X		0,10
11	Tuyến tổ 3 thôn Bình Quang ( Từ nhà ông Mạc đi nhà ông Ngọc )				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,33	BTXM		X		0,09
12	Tuyến tổ 7 thôn Bình Quang (từ nhà ông Ng đi nhà ông Tốp)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,34	BTXM		X		0,09
13	Tuyến tổ 4 thôn Bình Quang(từ nhà ông Thuận đi nhà bà Thế)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,31	BTXM		X		0,08
14	Tuyến tổ 7 thôn Bình Quang (từ nhà ông Phạm Lat đến nhà ông Phạm Đuơng)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,29	BTXM		X		0,08
15	Tuyến tổ 9 thôn Bình Xá (từ đường DH4 đến nhà ông Cánh)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,33	BTXM		X		0,09
16	Tuyến tổ 8 thôn Bình Quang (từ đường DH4 đến nhà ông Phạm Chí)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,31	BTXM		X		0,08
17	Tuyến tổ 12 thôn Bình Xá ( từ nhà bà Thị đến nhà ông Nhuận)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,33	BTXM		X	0,889	0,09
18	Tuyến tổ 11 thôn Bình Xá (từ nhà ông Tr đến nhà ông Trạc)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,23	BTXM		X		0,06
19	Tuyến tổ 16 thôn Bình Phúong ( từ nhà ông Ngô Yên đi nhà ông Ngô Hương)				Đợt 1	Bình Quế /2022	0,6	BTXM		X	0,614	0,16
20	Tuyến trục xóm thôn Cao Ngạn,				Đợt 2	Bình Lành/2022	0,26	BTXM		X		0,18



21	Tuyển Ngô Lê Thị Mai di Ngô Lê Quang Bích ở 16 thôn Nam Bình Sơn					Dvt 2	Bình Lâm/2022	0,27	BTXM	X							0,19
22	Tuyển Ngô Lương Thanh Thủy đến Hồng Minh Long ở 18 thôn Bắc Bình Sơn					Dvt 2	Bình Lâm/2022	0,305	BTXM	X							0,21
23	Tuyển Ngô Nguyễn Khắc di Ngô Dương Tấn Lợi ở 20 thôn Sơn Cầu Ngà					Dvt 2	Bình Lâm/2022	0,165	BTXM	X			1,599				0,11
24	Tuyển Ngô Lê Thị Tùng đến Ngô Lê Quang Oanh ở 19 thôn Bắc Bình Sơn					Dvt 2	Bình Lâm/2022	0,2	BTXM	X							0,14
25	Tuyển Ngô Lê Tiên đến Ngô Lê Quang Oanh ở 19 thôn Bắc Bình Sơn					Dvt 2	Bình Lâm/2022	0,165	BTXM	X							0,11
26	Tuyển Học Nại ở 20 thôn Sơn Cầu Ngà					Dvt 2	Bình Lâm/2022	0,11	BTXM	X							0,08
27	Tuyển ở 1 thôn Bình Hội ( Từ nhà ông Đặng Mới di nhà ông Phạm Ngọc Minh )					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,2	BTXM	X							0,20
28	Tuyển ở 3 thôn Bình Quang ( Từ đường BH 4 đến nhà ông Bùi Thanh Quang )					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,3	BTXM	X							0,12
29	Tuyển ở 12 thôn Bình Xá ( Từ nhà ông Đào di châu Vôi )					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,25	BTXM	X							0,10
30	Tuyển ở 14 thôn Bình Phụng ( Từ nhà ông Cảnh di ông Quang )					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,25	BTXM	X							0,10
31	Tuyển ở 1 thôn Bình Hội					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,5	BTXM	X				4,009			0,10
32	Tuyển ở Nguyễn Điền di ở Nguyễn Lâm					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,2	BTXM	X							0,20
33	Tuyển ở, Đặng Mới di ở, Suồng					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,5	BTXM	X							0,08
34	Tuyển ở, Đặng Mới di Cao tác					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,2	BTXM	X							0,20
35	Tuyển ở, Nguyễn Lâm di Cao Văn Năm					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,3	BTXM	X							0,08
36	Tuyển ở, Đông di ở Nghinh					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,3	BTXM	X							0,12
37	Tuyển GTNT ở 17					Dvt 2	Bình Quế/2022	0,7	BTXM	X							0,12
38	Tuyển ĐĐĐĐ di ở, Phúc, ở 10 thôn Tư Ngọc A					Dvt 2	Bình Tư/2020	0,15	BTXM	X							0,28
39	Tuyển ở, Khôi di ở, Linh, ở 9 thôn Tư Nghĩa					Dvt 2	Bình Tư/2020	0,55	BTXM	X							0,06
40	Tuyển Bà Hán di ở, Đảng, ở 10 thôn Tư Nghĩa					Dvt 2	Bình Tư/2020	0,2	BTXM	X							0,22
41	Tuyển Ngô Trục di Ngô Thanh, ở 17 thôn Châu Lâm					Dvt 2	Bình Tư/2021	0,7	BTXM	X							0,08
42	Tuyển ngô Minh di ngô Lý, ở 13 thôn Việt Sơn					Dvt 2	Bình Tư/2021	0,5	BTXM	X							0,28
43	Tuyển GTNT ở 6					Dvt 2	Bình	0,539	BTXM	X							0,20
44	Tuyển GTNT thôn Thanh Ly 1 ( ở 8; 9; 10 )					Dvt 2	Bình Bình Nguyễn/2021	0,763	BTXM	X							0,21
													1,297				0,30
																	0,79
2	Xây dựng mới đường đến thôn																
2.1	Mở mới nền đường	Km															
a	Lấy kế hoạch lương dự 1,2																
b	Kế hoạch danh mục dự 3																
2.2	Bê tông hóa mặt đường	Km															
a	Lấy kế hoạch lương dự 1,2																
b	Kế hoạch danh mục dự 3																
3	Năng cao chất lượng đường GTNT																
3.1	Bê tông hóa mặt đường	Km															
a	Lấy kế hoạch lương dự 1,2							16,56									
													41,71				24,65
													17,05				7,10
													17,37				10,26
1	Đường GTNT thôn Cao Ngàn ( tuyến này KH 2021 là đường nâng cao chất lượng nhưng phê duyệt BCKTKT góp chung với đường trục xã )					Dvt 1											
2	Tuyến ở 13 di ở 18 thôn Bình Phụng					Dvt 1	Bình Quế /2022	0,6	BTXM	X							0,28
													0,578				0,30





3.2.1	Dương Trung xã																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
3.2.2	Dương Trung thôn																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
3.3	Một rừng mặt đường																			
3.3.1	Dương Trung xã																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
-	DYT, 4																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
3.3.2	Dương Trung thôn																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
3.4	Nâng cấp mặt đường																			
3.4.1	Dương Trung xã																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
3.4.2	Dương Trung thôn																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
3.5	Sửa chữa, mở rộng cầu																			
3.5.1	Dương Trung xã																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
1	Cầu vượt qua kênh NT6/ Tuyến ĐK6 B. Chánh																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
3.5.2	Dương Trung thôn																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
1	Cầu bê tông (Tuyến 6/2 thôn Xuân Ấp)																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
2	Cầu bê tông Trảng (Số1 ruột gà đi máy gao 3 Ngòi)																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
3.6	Xây dựng công lợp																			
3.6.1	Dương Trung xã																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
1	Cầu Lớn trên Tuyến đường trung tâm xã dân thôn Thanh Lý 2 xã Bình Nguyên																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			
2	Công tuyến DYT																			
a	Lấy kê khai lượng đợt 1,2																			
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																			

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

7.38

3.84

10.56

1	Công hợp Cao Ngạn (thôn Sơn Cẩm Nga đi Cao Ngạn)									Bình Lãnh/2022													GTNT 2023
3.6.2	Đường trục thôn	Cải	5.10	3.54																			
a	Lấy kế khối lượng đợt 1,2																						2.5
1	Công trình: Công hợp QL 14 E đi tổ 16 thôn Nam Bình Sơn									Bình Lãnh/2022													0.17
2	Công hợp tuyến tổ 12 đi đồng Gò Đá									Bình Quế/2022													0.28
3	Công tuyến thôn Châu Xuân đi Đồng Thanh Sơn									Bình Đình Nam/2021													0.65
4	Công hợp tổ 5 thôn Bình Trúc									Bình Sơn/2021													0.35
5	Công hợp tổ 5 thôn Tây Giang									Bình Sơn/2021													0.35
6	Công hợp GTNT tổ 12									Bình Nguyễn/2021													0.35
7	Công Bàu Thới, tổ 19 thôn Quý Xuân									Bình Quý/2021													0.37
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																						
3.7	Xây dựng cầu mới		10.50	22.79																		16.40	9.54
3.7.1	Đường trục xã	Cải	4.80	10.14																		5.91	3.53
a	Lấy kế khối lượng đợt 1,2																						
1	Cầu khe Ba la trên tuyến thôn Tịch Yên đi thôn Thái Đông xã Bình Nam									Bình Nam/2021													
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																						
1	Cầu An Thái (An Đường đi An Thái)									Bình An/2020												2.1	1.260
2	Cầu tổ 21 đi tổ 20 Quý Hương									Bình Quý/2021												2.1	1.260
3.7.2	Đường trục thôn																						
a	Lấy kế khối lượng đợt 1,2	Cải	5.70	12.65																		10.49	6.01
1	Cầu Gò Khang tuyến tổ 13, thôn Bình Xã									Bình Quế/2022												3.736	2.06
4	Cầu Voi tổ 13 đi tổ 14 thôn Bình Phụng									Bình Quế/2022												1.154	0.59
5	Cầu Ván tổ 8 thôn Từ Nghĩa									Bình Từ/2020												2.800	1.68
b	Kế hoạch danh mục đợt 3																						
1	Cầu Gò Đình									Bình Quế/2022												2.100	1.260
2	Xây mới Cầu qua kênh N16 tổ 19, thôn Quý Hương									Bình Quý/2021												0.700	0.420

Ghi chú:

- Tổng khối lượng, kinh phí (kế hoạch đợt 3 + lấy kế đợt 1,2) không được vượt tổng khối lượng, kinh phí chỉ tiêu Đề án 5 năm